Mô hình Use case Phần mềm tự học

Version 2.0

Sinh viên thực hiện:

1. **1642019 – Nguyễn Thái Hòa**
2. **1642021 – Hà Nguyễn Thái Học**
3. **1642041 – Vũ Thị Trà Mi**
4. **1642049 – Dương Tấn Huỳnh Phong**
5. **1642051 – Nguyễn Xuân Phúc**

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 25/11/2017 | 1.0 | Mô tả danh sách Actor | Nguyễn Thái Hoà |
| 26/11/2017 | 2.0 | Lập danh sách Use-case | Hà Nguyễn Thái Học |
| 18/12/2017 | 3.0 | Mô tả Use-case 1 -> 15 | Nguyễn Thái Hoà |
| 21/12/2017 | 4.0 | Mô tả Use-case 16->30  Format tài liệu. | Hà Nguyễn Thái Học |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc501653756)

[2. Danh sách các Actor 3](#_Toc501653757)

[3. Danh sách các Use-case 3](#_Toc501653758)

[4. Đặc tả Use-case 4](#_Toc501653759)

[4.1 Đặc tả Use-case “Đăng nhập” 4](#_Toc501653760)

[4.2 Đặc tả Use-case “Đăng xuất” 5](#_Toc501653761)

[4.3 Đặc tả Use-case “Đăng ký” 5](#_Toc501653762)

[4.4 Đặc tả Use-case “Quên mật khẩu” 7](#_Toc501653763)

[4.5 Đặc tả Use-case “Cập nhật thông tin cá nhân” 8](#_Toc501653764)

[4.6 Đặc tả Use-case “Xem lịch sử hoạt động (nhật ký)” 9](#_Toc501653765)

[4.7 Đặc tả Use-case “Tìm kiếm người dùng ” 9](#_Toc501653766)

[4.8 Khoá người dùng 10](#_Toc501653767)

[4.9 Phân quyền người dùng 10](#_Toc501653768)

[4.10 Đặc tả Use-case “Xem danh sách Sách/Tài liệu mới đăng tải” 11](#_Toc501653769)

[4.11 Đặc tả Use-case “Xem danh sách Sách/Tài liệu theo chủ đề” 11](#_Toc501653770)

[4.12 Đặc tả Use-case “Tra cứu sách/tài liệu” 12](#_Toc501653771)

[4.13 Đặc tả Use-case “xem Sách/Tài liệu” 12](#_Toc501653772)

[4.14 Đặc tả Use-case “Đăng tải sách/tài liệu” 13](#_Toc501653773)

[4.15 Đặc tả Use-case “Cập nhật Sách/tài liệu” 14](#_Toc501653774)

[4.16 Đặc tả Use-case “Phê duyệt sách/tài liệu được đăng tải” 15](#_Toc501653775)

[4.17 Đặc tả Use-case “Xoá sách/tài liệu” 15](#_Toc501653776)

[4.18 Đặc tả Use-case “Tìm kiếm câu hỏi” 15](#_Toc501653777)

[4.19 Đặc tả Use-case “Xem câu hỏi.” 16](#_Toc501653778)

[4.20 Đặc tả Use-case “Đăng tải câu hỏi.” 17](#_Toc501653779)

[4.21 Đặc tả Use-case “Phê duyệt câu hỏi” 17](#_Toc501653780)

[4.22 Đặc tả Use-case “Xem top câu hỏi” 18](#_Toc501653781)

[4.23 Đặc tả Use-case “Đăng tải câu trả lời” 18](#_Toc501653782)

[4.24 Đặc tả Use-case “Đánh giá câu trả lời.” 19](#_Toc501653783)

[4.25 Đặc tả Use-case “Cập nhật câu hỏi” 19](#_Toc501653784)

[4.26 Đặc tả Use-case “Xoá câu hỏi” 20](#_Toc501653785)

[4.27 Đặc tả Use-case “Chat với chuyên gia” 20](#_Toc501653786)

[4.28 Đặc tả Use-case “Liên kết tài khoản với facebook hoặc google” 21](#_Toc501653787)

[4.29 Đặc tả Use-case “Kích hoạt tài khoản” 21](#_Toc501653788)

[4.30 Đặc tả Use-case “Xem thông tin cá nhân” 22](#_Toc501653789)

# Sơ đồ Use-case

# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Admin |  |
| 2 | Phê duyệt | Những người duyệt bài trong phần mềm |
| 3 | Người dùng | Những người đã login vào phần mềm |
| 4 | Người dùng ẩn danh | Những người chưa login vào phần mềm |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Đăng nhập | Đăng nhập vào hệ thống. |
| 2 | Đăng xuất | Đăng xuất ra khỏi hệ thống. |
| 3 | Đăng ký | Đăng ký tài khoản mới. |
| 4 | Quên mật khẩu | Lấy lại mật khẩu. |
| 5 | Cập nhật thông tin cá nhân | Cập nhật thông tin cá nhân của người dùng. |
| 6 | Xem lịch sử hoạt động (nhật ký) | Xem lịch lịch sử hoạt động của người dùng. |
| 7 | Tìm kiếm người dùng | Tìm kiếm người dùng |
| 8 | Khoá người dùng | Khóa người dùng, ngưng không cho người dùng login và sử dụng hệ thống. |
| 9 | Phân quyền người dung | Thay đổi quyền của người dùng, có thể thay quyền sử dụng người dùng cao hơn hoặc thấp hơn khi sử dụng chức năng của hệ thống |
| 10 | Xem danh sách Sách/Tài liệu mới đăng tải | Hiển thị danh sách cố định (ví dụ 5-10 sách/tài liệu) mới nhất vừa được đưa vào hệ thống kèm theo thời gian |
| 11 | Xem danh sách Sách/Tài Liệu theo chủ đề | Lọc sách tài liệu theo từng chủ đề tương ứng |
| 12 | Tra cứu Sách/Tài liệu | Tìm kiếm theo mã, tên Sách/Tài liệu |
| 13 | Xem sách/tài liệu | Xem giá bán, mô tả chi tiết của sách. Nếu là tài liệu free thì có thể xem được nội dung chi tiết của tài liệu, tải tài liệu về máy |
| 14 | Đăng sách/tài liệu | Chọn sách/tài liệu, nhập thông tin theo yêu cầu và đăng tải lên hệ thống |
| 15 | Cập nhật sách/tài liệu | Quản trị viên hoặc người dùng đăng tải sách/tài liệu có thể cập nhật thông tin của sách/tài liệu |
| 16 | Phê duyệt sách/tài liệu được đăng tải | Quản trị viên kiểm tra nội dung, chấp nhận hoặc hủy bỏ tài liệu được đăng tải |
| 17 | Xóa sách/tài liệu | Quản trị viên hoặc người dùng đăng tải tài liệu đó có thể xóa tài liệu đã được đăng. |
| 18 | Tìm kiếm câu hỏi | Mỗi câu hỏi có chủ đề và mã, tìm kiếm theo tiêu chí này |
| 19 | Xem câu hỏi | Chọn và xem nội dung của câu hỏi |
| 20 | Đăng tải câu hỏi | Người dùng đăng tải câu hỏi lên hệ thống và chờ quản trị viên phê duyệt |
| 21 | Phê duyệt câu hỏi | Quản trị viên kiểm tra nội dung câu hỏi, chấp nhận hoặc hủy bỏ câu hỏi được đăng tải |
| 22 | Xem top câu hỏi | Xem danh sách những câu hỏi được quan tâm (lượt view, lượt trả lời) trong 1 mốc thời gian |
| 23 | Đăng tải câu trả lời | Người dùng đăng tải câu trả lời cho câu hỏi tương ứng (một số câu hỏi có thể có nhiều câu trả lời) |
| 24 | Đánh giá câu trả lời | Người dùng đánh giá thích hoặc không với câu hỏi, có thể đăng nội dung góp ý |
| 25 | Cập nhật câu hỏi | Quản trị viên hoặc người dùng đăng tải câu hỏi có thể thay đổi cập nhật nội dung câu hỏi. |
| 26 | Xóa câu hỏi | Quản trị viên hoặc người dùng đăng tải câu hỏi đó có thể xóa câu hỏi ra khỏi hệ thống |
| 27 | Chat với chuyên gia | Người dùng có chọn chức năng chat trực tuyến với chuyên gia khi cần tư vấn hoặc thắc mắc muốn giải đáp ngay lập tức |
| 28 | Liên kết tài khoản với facebook hoặc google | Người dùng có thể sử dụng tài khoản facebook hoặc google để login và sử dụng hệ thống. |
| 29 | Kích hoạt tài khoản. | Mở khoá tài khoản bị khoá. |
| 30 | Xem thông tin cá nhân | Người dùng xem thông tin cá nhân. |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case “Đăng nhập”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Đăng nhập |
| Mô tả | Người dùng đăng nhập vào hệ thống. |
| Actor | Người dùng, admin, người phê duyệt. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng nhấn nút đăng nhập trên menu góc phải trên cùng |
| Các Use-case liên quan | Usecase đăng ký, usecase quên mật khẩu. |
| Tiền điều kiện | Người dùng chưa đăng nhập |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập gồm các trường dữ liệu để người dùng nhập:  * Email/Tên tài khoản (\*) * Mật khẩu (\*) * Tự động đăng nhập lần sau  1. Người dùng nhập dữ liệu 2. Người dùng nhấn nút đăng nhập. 3. Hệ thống kiểm tra dữ liệu hợp lệ. 4. Thông báo đăng nhập thành công. 5. Chuyển hướng người dùng trở về trang trước đó 6. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Người dùng chưa nhập email/tên tài khoản: thông báo “Không để trống tên tài khoản” và focus vào mail/tên tài khoản. 2. Nếu người dùng chưa nhập mật khẩu: thông báo “Không để trống mật khẩu” và focus vào mật khẩu. 3. Nếu tài khoản hoặc mật khẩu không chính xác: thông báo “tài khoản hoặc mật khẩu không đúng.” 4. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Có lỗi xãy ra khi đăng nhập, vui long thử lại lần sau.” 5. Tại bước 2: nếu người dùng chọn quên mật khẩu thì hệ thống thực hiện usecase quên mật khẩu và kết thúc usecase. 6. Tại bước 2 nếu người dùng chọn đăng ký thì hệ thống thực hiện usecase đăng ký và kết thúc usecase. |

## Đặc tả Use-case “Đăng xuất”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Đăng xuất |
| Mô tả | Đăng xuất ra khỏi hệ thống |
| Actor | Người dùng, admin, người phê duyệt. |
| Điều kiện kích hoạt | Chọn đăng xuất ở mọi trang. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống đăng xuất tài khoản của người dùng. 2. Kết thúc usecase. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu tài khoản khoản chưa đăng nhập: thông báo “Bạn chưa đăng nhập”. 2. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” |

## Đặc tả Use-case “Đăng ký”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Đăng ký |
| Mô tả | Đăng ký tài khoản mới. |
| Actor | Người dùng ẩn danh. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn đăng nhập từ trang chủ và bấm đăng ký. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng chưa đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị các trường dữ liệu để người dùng nhập:  * Tên tài khoản(\*) * Mật khẩu (\*) * Nhập lại mật khẩu (\*) * Email (\*) * Họ tên (\*). * Ngày sinh (\*). * Địa chỉ * Giới tính * Số điện thoại * Ảnh đại diện  1. Người dùng bấm đăng ký. 2. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ. 3. Hệ thống lưu thông tin thành công. 4. Hệ thống thực hiện gửi link kích hoạt tài khoản vào email người dùng. 5. Hệ thống thông báo tới người dùng: “đăng ký thành công. Vui lòng kiểm tra email để active tài khoản.” 6. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu người dùng bỏ trống tên tài khoản: Thông báo “Vui lòng nhập tên tài khoản.” và focus vào tên tài khoản. 2. Nếu tên tài khoản nhỏ hơn 6 ký tự: Thông báo “Tên tài khoản phải lớn hơn bằng 6 ký tự” và focus vào tên tài khoản. 3. Néu tên tài khoản chứa ký tự đặt biệt: Thông báo “Tên tài khoản không chứa ký tự đặt biệt.” và focus vào tên tài khoản. 4. Nếu tên tài khoản bắt đầu bằng số: Thông báo “Tên tài khoản phải bắt đầu bằng ký tự” và focus vào tên tài khoản. 5. Nếu tên tài khoản đã tòn tại: thống báo “Tên tài khoản đã có người sử dụng. Vùi lòng chọn tên tài khoản khác.” Và focus vào tên tài khoản. 6. Nếu người dùng không nhập mật khẩu: Thông báo “Vui lòng nhập mật khẩu.” và focus vào mật khẩu. 7. Nếu mật khẩu nhỏ hơn 6 ký tự: Thông báo “Mật khẩu phải lớn hơn bằng 6 ký tự” và focus vào mật khẩu. 8. Néu mật khẩu chứa ký tự đặt biệt: Thông báo “mật khẩu phải chứa chữ, số và ký tự đặt biệt.” và focus vào mật khẩu. 9. Nếu nhập lại mật khẩu không giống với mật khẩu: thông báo “Nhập lại mật khẩu không chính xác.” Và focus vào nhập lại mật khẩu. 10. Nếu người dùng bỏ trống email: Thông báo “vui lòng nhập email.” Và focus vào email. 11. Nếu email đã tồn tại: Thông báo “email đã sử dụng.” và focus vào email. 12. Nếu email không hợp lệ: Thông báo “email không hợp lệ” và focus vào email. 13. Nếu người dùng bỏ trống họ tên: Thông báo “vui lòng nhập họ tên.” Và focus vào họ tên. 14. Nếu người dùng không nhập ngày sính: Thông báo “Vui long nhập ngày sinh” và focus vào ngày sinh. 15. Nếu ngày sinh lớn hơn ngày hiên tại: Thông báo “ngày sinh không hợp lệ” và focus vào ngày sinh. 16. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 17. Tại bước 5 nếu gửi link thất bại: Thông báo “không thể gủi link kích hoạt” và kết thúc usecase. |

## Đặc tả Use-case “Quên mật khẩu”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Quên mật khẩu |
| Mô tả | Lấy lại mật khẩu cho người dùng |
| Actor | Người dùng, admin, người phê duyệt. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn đăng nhập và chọn quên mật khẩu. |
| Các Use-case liên quan | Usecase đăng nhập |
| Tiền điều kiện | Người dùng chưa đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị các field để người dùng nhập: tên tài khoản và email. 2. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ và gửi mật khẩu mới về email. 3. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu người dùng bỏ trống tên tài khoản: Thông báo “Vui lòng nhập tên tài khoản.” và focus vào tên tài khoản. 2. Nếu tên tài khoản nhỏ hơn 6 ký tự: Thông báo “Tên tài khoản phải lớn hơn bằng 6 ký tự” và focus vào tên tài khoản. 3. Néu tên tài khoản chứa ký tự đặt biệt: Thông báo “Tên tài khoản không chứa ký tự đặt biệt.” và focus vào tên tài khoản. 4. Nếu tên tài khoản bắt đầu bằng số: Thông báo “Tên tài khoản phải bắt đầu bằng ký tự” và focus vào tên tài khoản. 5. Nếu người dùng bỏ trống email: Thông báo “vui lòng nhập email.” Và focus vào email. 6. Nếu email không hợp lệ: Thông báo “email không hợp lệ” và focus vào email. 7. Nếu tên tài khoản hoặc email không tồn tại: Thông báo “tên tài khoản hoặc email không tồn tài.” 8. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 9. Tại bước 1 nếu người dùng chọn đăng nhập thì thực hiện usecase đăng nhập và kết thúc usecase. |

## Đặc tả Use-case “Cập nhật thông tin cá nhân”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Cập nhật thông tin cá nhân |
| Mô tả | Cập nhật lại thông tin cá nhân của người dùng. |
| Actor | Người dùng, admin, phê duyệt. |
| Điều kiện kích hoạt | Chọn thông tin cá nhân ở mọi trang. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị các field để người dùng nhập:  * Mật khẩu (\*) * Nhập lại mật khẩu (\*) * Email (\*) * Họ tên (\*). * Ngày sinh (\*). * Địa chỉ * Giới tính * Số điện thoại * Ảnh đại diện  1. Người dùng bấm cập nhật. 2. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ. 3. Hệ thống lưu thông tin thành công. 4. Hệ thống thông báo tới người dùng: “Cập nhật thông tin thành công.” 5. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu người dùng bỏ trống email: Thông báo “vui lòng nhập email.” Và focus vào email. 2. Nếu email đã tồn tại: Thông báo “email đã sử dụng.” và focus vào email. 3. Nếu email không hợp lệ: Thông báo “email không hợp lệ” và focus vào email. 4. Nếu người dùng bỏ trống họ tên: Thông báo “vui lòng nhập họ tên.” Và focus vào họ tên. 5. Nếu người dùng không nhập ngày sính: Thông báo “Vui long nhập ngày sinh” và focus vào ngày sinh. 6. Nếu ngày sinh lớn hơn ngày hiên tại: Thông báo “ngày sinh không hợp lệ” và focus vào ngày sinh. 7. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” |

## Đặc tả Use-case “Xem lịch sử hoạt động (nhật ký)”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Xem lịch sử hoạt động (nhật ký) |
| Mô tả | Xem lịch sử hoạt động của tài khoản. |
| Actor | Người dùng, admin, phê duyệt. |
| Điều kiện kích hoạt | Chọn nút nhật ký ở mỗi trang. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiện thị các bài đã post, tình trạng phê duyệt của bài post, ai đã bình chọn, bình luận và sort theo thời gian. 2. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” |

## 

## Đặc tả Use-case “Tìm kiếm người dùng ”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Tìm kiếm người dùng |
| Mô tả | Tìm kiếm người dùng. |
| Actor | Admin |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn quản lý ở mỗi trang. |
| Các Use-case liên quan | Trục xuất người dùng, Thiết lập quyền quản lý, Thiết lập quyền người dùng |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống load giao diện. 2. Người dùng nhập từ khóa cần tìm. 3. Người tìm bấm enter hoặc bấm tìm kiếm. 4. Hệ thống tìm kiếm theo: kết quả gần giống với họ tên và tài khoản, sắp xếp theo tỉ lệ gần giống nhất và hiện thị lên cho người dùng xem. 5. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu tìm không có kết quả: hiện thông báo “không tìm thấy kết quả.”. 2. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 3. Tại bước 5: nếu người dùng chọn Trục xuất người dùng thì hệ thống thực hiện usecase Trục xuất người dùng. 4. Tại bước 5: nếu người dùng chọn Thiết lập quyền người dùng thì hệ thống thực hiện usecase Thiết lập quyền người dùng. 5. Tại bước 5: nếu người dùng chọn Thiết lập quyền quản lý thì hệ thống thực hiện usecase Thiết lập quyền quản lý. |

## Đặc tả Use-case “Khoá người dùng”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Khóa người dùng |
| Mô tả | Khoá người dùng, ngưng không cho người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| Actor | Admin |
| Điều kiện kích hoạt | Chọn nút khoá người dùng. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Admin đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chọn người dùng cần khóa. 2. Click Khóa người dùng 3. Hệ thống khoá người dùng, cập nhật vào database. 4. Thông báo khoá thành công 5. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” |

## Đặc tả Use-case “Phân quyền người dùng”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Phân quyền người dùng |
| Mô tả | Thay đổi quyền củangười dùng. |
| Actor | Admin |
| Điều kiện kích hoạt | Chọn quyền của người dùng. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Admin đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Admin Chọn người dùng 2. Hệ thống hiểu thị danh sách quyền cho admin chọn lựa. 3. Hệ thống thay đổi quyền người dùng, cập nhật vào database. 4. Thông báo cập nhật thành công. 5. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” |

## Đặc tả Use-case “Xem danh sách Sách/Tài liệu mới đăng tải”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Xem danh sách Sách/Tài liệu mới đăng tải |
| Mô tả | Hiển thị các loại sách/tài liệu đăng gần đây nhất. |
| Actor | Người dùng ẩn danh, người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | Khi load trang chủ |
| Các Use-case liên quan | Xem sách/ tài liệu |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống load 20 sách/tài liệu thuộc tất cả chủ đề theo thời gian gần đây nhất cho người dùng xem. 2. Kết thúc usecase |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Tại bước 2: nếu người dùng chọn sách/tài liệu trong danh sách thì hệ thống thực hiện usecase Xem sách/tài liệu. |

## Đặc tả Use-case “Xem danh sách Sách/Tài liệu theo chủ đề”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Xem danh sách Sách/Tài liệu theo chủ đề. |
| Mô tả | Xem danh sách sách/tài liệu của chủ để theo thơi gian gần đây nhất. |
| Actor | Người dùng ẩn danh, người dùng, phe duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn chủ đề cần chọn(từ mọi trang). |
| Các Use-case liên quan | Xem sách/tài liệu. |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống load 20 sách/tài liệu thuộc chủ đề đã chọn theo thời gian gần đây nhất cho người dùng xem. 2. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Tại bước 2: nếu người dùng chọn sách/tài liệu trong danh sách thì hệ thống thực hiện usecase xem sách/tài liệu |

## Đặc tả Use-case “Tra cứu sách/tài liệu”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Tra cứu sách/tài liệu. |
| Mô tả | Tìm kiếm theo mã hoặc tên sách/tài liệu. |
| Actor | Người dùng ẩn danh, người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | * Trang chủ * Trang chủ đề. * Trang chi tiết sách giáo khoa |
| Các Use-case liên quan | Xem sách/tài liệu. |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập từ khóa cần tìm. 2. Người tìm bấm enter hoặc bấm tìm kiếm. 3. Hệ thống tìm kiếm theo: kết quả gần giống với nội dung nhất, sắp xếp theo tỉ lệ gần giống nhất và hiện thị lên cho người dùng xem. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu tìm không có kết quả: hiện thông báo “không tìm thấy kết quả.”. 3. Tại bước 4: nếu người dùng chọn sách/tài liệu trong danh sách thì hệ thống thực hiện usecase xem Sách/Tài liệu. |

## Đặc tả Use-case “xem Sách/Tài liệu”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Xem Sách/Tài liệu |
| Mô tả | Xem gía bán, mô tả chi tiết của sách |
| Actor | Người dùng ẩn danh, người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | * Người dùng chọn sách giáo khoa từ trang chủ. * Người dùng chọn sách giáo khoa từ trang chủ đề. * Người dùng chọn sách giáo khao từ tìm kiếm sách giao khoa. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị chi tiết 1 sách giáo khoa. 2. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu sách sách khoa không tồn tại: Thông báo “Sách giáo khoa không tồn tại.”. |

## Đặc tả Use-case “Đăng tải sách/tài liệu”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Đăng tải sách/tài liệu |
| Mô tả | Đặng sách/tài liệu mới. |
| Actor | người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | * Người dùng chọn đăng sách giáo khoa từ trang chủ. * Người dùng chọn đăng sách giáo khoa từ trang chủ đề. * Người dùng chọn đăng sách giáo khao từ chi tiết sách giáo khoa. |
| Các Use-case liên quan | Phê duyệt sách/tài liệu được đăng tải |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiện thì các field cho người dùng nhập:  * Tiêu đề sách. (\*) * Chủ đề. (\*) * File pdf. (\*) * Giới thiệu ngắn. * Ảnh bìa. (\*) * Các sách liên quan.  1. Người dùng chọn thêm. 2. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ. 3. Hệ thống lưu thông tin. 4. Thông báo người dùng: “đăng thành công”. 5. Chờ người phê duyệt sách/tài liệu. 6. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu tên chủ đề trống: thống báo “vui lòng nhập tên chủ đề” và focus vào tên chủ đề. 3. Nếu chủ đề trống: Thông báo “vui lòng nhập chủ đề” và focus vào chủ đề. 4. Nếu chưa chọn file pdf: thông báo “vui lòng chọn file sách” và focus vào chọn file. 5. Nếu chưa chọn ảnh bìa: thông báo “vui lòng chọn ảnh bìa” và focus vào chon ảnh. |

## Đặc tả Use-case “Cập nhật Sách/tài liệu”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Cập nhật sách/tài liệu |
| Mô tả | Cập nhật sách/tài liệu của người dùng đã đăng |
| Actor | người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn chi tiết của sách/tài liệu và chọn update. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiện thì các field cho người dùng nhập:  * Tiêu đề sách. (\*) * Chủ đề. (\*) * File pdf. (\*) * Giới thiệu ngắn. * Ảnh bìa. (\*) * Các sách liên quan.  1. Người dùng chọn cập nhật. 2. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ. 3. Hệ thống lưu thông tin. 4. Thông báo người dùng: “đăng thành công”. 5. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 3. Nếu tên chủ đề trống: thống báo “vui lòng nhập tên chủ đề” và focus vào tên chủ đề. 4. Nếu chủ đề trống: Thông báo “vui lòng nhập chủ đề” và focus vào chủ đề. 5. Nếu chưa chọn file pdf: thông báo “vui lòng chọn file sách” và focus vào chọn file. 6. Nếu chưa chọn ảnh bìa: thông báo “vui lòng chọn ảnh bìa” và focus vào chon ảnh. |

## Đặc tả Use-case “Phê duyệt sách/tài liệu được đăng tải”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Phê duyệt sách/tài liệu được đăng tải. |
| Mô tả | Quản trị viên kiểm tra nội dung, chập nhận hoặc huỷ bỏ tài liệu được đăng tải |
| Actor | Người phê duyệt |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn chi tiết của sách giáo khoa và chọn phê duyệt. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống lấy danh sách tài liệu đang chờ phê duyệt. 2. Người dùng kiểm tra nội dung và phê duyệt tài liệu hoặc huỷ bỏ. 3. Hệ thống cập nhật lựa chọn của người dung. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” |

## Đặc tả Use-case “Xoá sách/tài liệu”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Xoá sách/tài liệu |
| Mô tả | Quản trị viên hoặc người đăng tài liệu có thể xoá tài liệu đã được đăng. |
| Actor | người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn chi tiết của sách giáo khoa và chọn xóa. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống xóa sách giáo khoa. 2. Hệ thống thông báo: “đã xóa sách giáo khoa” 3. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu không thế xóa: thông báo “xãy ra lỗi khi xóa. vui lòng thử lại sau”. |

## Đặc tả Use-case “Tìm kiếm câu hỏi”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Tìm kiếm câu hỏi |
| Mô tả | Tìm kiếm câu hỏi. |
| Actor | Người dùng ẩn danh, người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | * Người dùng chọn tìm kiếm từ trang danh sách câu hỏi theo chủ đề. * Người dùng chọn tìm kiếm từ trang tim kiếm câu hỏi. * Người dùng chọn tìm kiếm từ trang chi tiết câu hỏi. |
| Các Use-case liên quan | Xem câu hỏi |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập từ khóa cần tìm. 2. Người tìm bấm enter hoặc bấm tìm kiếm. 3. Hệ thống tìm kiếm theo: kết quả câu hỏi gần giống với nội dụng nhất và hiện thị lên cho người dùng xem. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu tìm không có kết quả: hiện thông báo “không tìm thấy kết quả.”. 3. Tại bước 4: nếu người dùng chọn câu hỏi trong dánh sách thì hệ thống thực hiện usecase **Error! Reference source not found.**. |

## Đặc tả Use-case “Xem câu hỏi.”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Xem câu hỏi |
| Mô tả | Xem chi tiết 1 câu hỏi. |
| Actor | Người dùng ẩn danh, người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | * Người dùng chọn câu hỏi từ trang tìm kiếm câu hỏi. * Người dùng chọn câu hỏi từ trang chủ. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiện thì chi tiết câu hỏi lên lên cho người dùng(các câu trả lởi được nhiều bình chọn sẽ được đưa lên trên). 2. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” |

## Đặc tả Use-case “Đăng tải câu hỏi.”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | **Đăng tải câu hỏi** |
| Mô tả | Người dung đăng tải câu hỏi và chờ quản trị viên phê duyệt |
| Actor | người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | * Người dùng chọn đăng câu hỏi từ trang câu hỏi theo chủ đề. * Người chọn chọn đăng câu hỏi từ trang tìm kiếm câu hỏi. * Người dùng chọn đăng câu hỏi từ trăng chi tiết câu hỏi. |
| Các Use-case liên quan | Phê duyệt câu hỏi |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiện thị các field cho người dùng nhập:  * Tiêu đề. (\*) * Mô tả thêm. * Chủ đề. (\*)  1. Người dùng bấm đăng. 2. Hệ thống lưu câu hỏi lại. 3. Lưu thành công: thông báo “đăng thành công”. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu người dùng bỏ trống tiêu đề mà bấm đăng: thông báo “không để trống tiêu đề.” và chuyển vùng chọn vào tiêu đề. 3. Nếu đăng không thành công: thông báo “đăng không thánh công.”. |

## Đặc tả Use-case “Phê duyệt câu hỏi”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | **Phê duyệt câu hỏi** |
| Mô tả | Quản trị viên kiểm tra nội dung câu hỏi, chấp nhận hoặc huỷ bỏ câu hỏi được đăng, |
| Actor | Người phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn xem danh sách câu hỏi chờ phê duyệt |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống lấy danh sách câu hỏi đang chờ phê duyệt. 2. Người dùng kiểm tra nội dung và phê duyệt câu hỏi hoặc huỷ bỏ. 3. Hệ thống cập nhật lựa chọn của người dung. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu đăng không thành công: thông báo “đăng không thánh công.” |

## Đặc tả Use-case “Xem top câu hỏi”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Xem top câu hỏi |
| Mô tả | Xem danh sách câu hỏi được quan tâm(lượt view, lượt trả lời) trong cột mốc thời gian. |
| Actor | Người dùng ẩn danh, người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | Được kích hoạt khi load trang chủ. |
| Các Use-case liên quan | Xem câu hỏi |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống load 20 câu hỏi thuộc tất cả chủ đề theo thời gian gần đây nhất cho người dùng xem. 2. Kết thúc usecase |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Tại bước 2: nếu người dùng chọn câu hỏi trong dánh sách thì hệ thống thực hiện usecase Xem câu hỏi. |

## Đặc tả Use-case “Đăng tải câu trả lời”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Đăng tải câu trả lời |
| Mô tả | Người dùngđăng câu trả lời cho câu hỏi, một câu hỏi có thể có nhiều câu trả lời |
| Actor | Người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn đăng câu trả lời từ trang chi tiết câu hỏi. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập đáp án. 2. Người dùng bấm trả lời. 3. Hệ thống lưu đáp án vào database. 4. Lưu thành công: thông báo “lưu thành công.”. 5. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu người dùng chưa nhập đáp án mà bấm trả lời: thông báo “vui lòng nhập đáp án” và chuyển vùng chọn vào đáp án. 3. Nếu lưu không thành công: thông báo “lưu không thành công.”. |

## Đặc tả Use-case “Đánh giá câu trả lời.”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Đánh giá câu trả lời. |
| Mô tả | Người dùng đánh giá thích hoặc không thích với câu trả lời. Có thể đăng nội dung góp ý. |
| Actor | Người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn thích từ câu trả lời của 1 câu hỏi (ở trang chi tiết câu hỏi). |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống tăng số lượt thích cho câu hỏi. 2. Hệ thống tăng số lượt thích lên giao diện người dùng. 3. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” |

## Đặc tả Use-case “Cập nhật câu hỏi”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Cập nhật câu hỏi |
| Mô tả | Người đăng câu hỏi cập nhật nội dung câu hỏi |
| Actor | người dùng, phê duyệt, admin |
| Điều kiện kích hoạt | * Người dùng chọn cập nhật câu hỏi. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiện thị các field cho người dùng nhập. 2. Người dùng bấm cập nhật. 3. Hệ thống lưu câu hỏi. 4. Lưu thành công: thông báo “cập nhật thành công”. 5. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu người dùng bỏ trống tiêu đề mà bấm đăng: thông báo “không để trống tiêu đề.” và chuyển vùng chọn vào tiêu đề. 3. Nếu đăng không thành công: thông báo “đăng không thành công.” |

## Đặc tả Use-case “Xoá câu hỏi”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Xoá câu hỏi |
| Mô tả | Quản rị viên hoặc người đăng câu hỏi đó có thể xoá câu hỏi ra khỏi hệ thống. |
| Actor | Người dùng, phê duyệt, admin. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn câu hỏi và chọn xoá. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống xóa câu hỏi. 2. Hệ thống thông báo: “đã xóa câu hỏi” 3. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu không thế xóa: thông báo “xãy ra lỗi khi xóa. vui lòng thử lại sau!!!”. |

## Đặc tả Use-case “Chat với chuyên gia”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Chat với chuyên gia. |
| Mô tả | Chat trực tuyến với chuyên gia khi cần tư vấn, giải đáp thắc mắc. |
| Actor | Người dung. |
| Điều kiện kích hoạt | Mở thanh chat trực tuyến. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Kết nối người dùng và chuyên gia. 2. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu token ko hợp lệ: thông báo “không hợp lệ”. |

## Đặc tả Use-case “Liên kết tài khoản với facebook hoặc google”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Liên kết tài khoản với facebook hoặc google. |
| Mô tả | Sử dụng tài khoản facebook hoặc google để đăng nhập nhanh vào hệ thống. |
| Actor | Người dung. |
| Điều kiện kích hoạt | Chọn biểu tượng của facebook/google trong phần đăng nhập. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống kết nối facebook/google. 2. Hệ thống lấy thông tin của người dùng và lưu vào hệ thống. 3. Thông báo đăng nhập thành công. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu token ko hợp lệ: thông báo “không hợp lệ”. |

## Đặc tả Use-case “Kích hoạt tài khoản”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Kích hoạt tài khoản |
| Mô tả | kích hoạt tài khoản cho người dùng. |
| Actor | Người dùng, admin. |
| Điều kiện kích hoạt | kích hoạt từ đường link được gửi trong email. |
| Các Use-case liên quan |  |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống kiểm tra token hợp lệ. 2. Hệ thống kích hoạt tài khoản cho người dùng. 3. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu token ko hợp lệ: thông báo “không hợp lệ”. |

## Đặc tả Use-case “Xem thông tin cá nhân”

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Nội dung |
| Tên Use-case | Xem thông tin cá nhân |
| Mô tả | Xem thông tin cá nhân của người dùng. |
| Actor | Người dùng, admin, phê duyệt. |
| Điều kiện kích hoạt | Chọn thông tin cá nhân ở mọi trang. |
| Các Use-case liên quan | Cập nhật thông tin cá nhân |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị thông tin cá nhân của người dùng lên UI. 2. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Nếu không có kết nối hoặc lỗi kết nối tới database: thông báo “Xãy ra lỗi kết nối, vui lòng thử lại lần sau.” 2. Nếu người dùng chọn cập nhật thông tin cá nhân: hệ thống thực hiện usecase Cập nhật thông tin cá nhân và kết thúc usecase. |